

Sơn Trà, ngày 20 tháng 9 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Năm học: 2022-2023

Thực hiện thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 của nhà trường. Trường THCS Phan Bội Châu báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2022-2023 như sau:

#### II. Thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện công khai

##### 1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và của phòng GDĐT. Đặc biệt là sự ủng hộ nhiệt tình của các bậc phụ huynh cho sự nghiệp giáo dục và luôn có sự phối hợp chặt chẽ, đồng thuận giữa Ban giám hiệu, giáo viên và phụ huynh trong việc thực hiện Quy chế công khai tại nhà trường.

- Nhà trường có đầy đủ các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục

- Nhà trường đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện qui chế công khai tại nhà trường. Ban chỉ đạo đã làm việc trách nhiệm và đạt được những hiệu quả nhất định.

- Tập thể CBGV,NV nhà trường luôn đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

##### 2. Khó khăn

- Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện công tác kiêm nhiệm do vậy, đôi lúc chưa kịp thời trong việc chỉ đạo, giám sát việc thực hiện công khai.

#### III. Kết quả thực hiện công khai

##### 1. Nội dung công khai.



- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung công khai theo Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quyết định 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể:

### ***1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:***

a) Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Theo mẫu 09*).

b) Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2022-2023; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, có phân biệt theo các khối lớp (*Theo mẫu 10*).

### ***1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:***

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*Theo mẫu 11*).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (*Theo mẫu 12*).

### ***1.3. Công khai thu chi tài chính:***

a) Tình hình tài chính của nhà trường: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính (Quy chế chi tiêu nội bộ).

b) Công khai việc triển khai thực hiện các mục thu - chi năm học 2022-2023



d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả thanh tra, kiểm tra: thực hiện công khai kết quả thanh tra theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành

## **2. Về hình thức và thời điểm công khai**

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường đảm bảo đầy đủ, chính xác và kịp thời

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm, cập nhật đầu năm học (tháng 9,10) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Công khai phổ biến trong Hội nghị công chức viên chức, các cuộc họp của nhà trường

- Công khai phổ biến trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, cuối năm đối với nội dung “Các khoản thu trong năm học và dự kiến cho năm học tiếp theo”, niêm yết trên bảng tin của nhà trường theo thời gian đã quy định.

## **3. Biện pháp thực hiện**

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm vững nội dung Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân ( Ban hành kèm theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo )

- Quán triệt sâu sắc tinh thần thực hiện quy chế công khai tới tập thể CBGVNV trong nhà trường cùng tích cực thực hiện và giám sát nhau để đảm bảo công khai đúng và hiệu quả.

- Hiệu trưởng thực hiện nghiêm túc nội dung công khai, luôn tạo sự đồng thuận, nhất trí cao với cán bộ giáo viên trong trường, phụ huynh, cộng đồng.

- Thực hiện đa dạng hóa các hình thức công khai.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện công khai trong nhà trường.

## **4. Kết quả**





**Biểu mẫu 09**

UBND QUẬN SƠN TRÀ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
PHAN BỘI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Phan Bội Châu  
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS Thuộc địa bàn phường Phước Mỹ.</li><li>- Đủ 11 tuổi (sinh năm 2012, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành hương trình Tiểu học).</li><li>- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục.</li><li>- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS Thuộc địa bàn phường Phước Mỹ</li><li>- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục.</li><li>- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS Thuộc địa bàn phường Phước Mỹ.</li><li>- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục.</li><li>- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS Thuộc địa bàn phường Phước Mỹ</li><li>- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 26 của Bộ Giáo dục.</li><li>- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.</li></ul>
II	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&amp;ĐT.</li><li>- Thời gian học 35 tuần trong đó HKI: 18 tuần, HKII: 17 tuần</li><li>- Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT.</li><li>- Môn học đối với lớp 9: 14 môn.</li><li>- Môn học đối với lớp 6, 7, 8: 12 môn.</li><li>- Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.</li></ul>			
III	<b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình;</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà trường được thành lập lại theo Quyết định 4219/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND Quận Sơn Trà; hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học.</li><li>- Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo</li></ul>			



	<b>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b>	<p>dồi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 7 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường.</li> <li>- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.</li> <li>- Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.</li> </ul>			
<b>IV</b>	<b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy.</li> <li>- Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT.</li> <li>- Có 02 phòng tin học (phòng 40 máy, phòng 20 máy tính) đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS.</li> <li>- Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát.</li> </ul>			
<b>V</b>	<b>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: 99%</li> <li>- Học sinh có học lực khá, giỏi: 70%</li> <li>- Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.</li> </ul>			
<b>VI</b>	<b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>	- Đạt từ 99% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số	- Đạt từ 99% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số	- Đạt từ 99% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số	- 99% được công nhận TN THCS.  - Duy trì sĩ số

Sơn Trà, ngày tháng năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Đình Sơn**

**Biểu mẫu 10**

UBND QUẬN SƠN TRÀ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
PHAN BỘI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế  
của trường trung học cơ sở Phan Bội Châu năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>654</b>	<b>207</b>	<b>119</b>	<b>172</b>	<b>156</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	630 96,33%	204 98,55%	115 96,64%	161 93,60%	150 96,15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	21 3,21%	3 1,54%	4 3,36%	8 4,65%	6 3,85%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,46%	0 0%	0 0%	3 1,74%	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>654</b>	<b>207</b>	<b>119</b>	<b>172</b>	<b>156</b>
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	28 43,88%	112 54,11%	62 52,10%	66 38,37%	47 30,13%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	207 29,97%	61 29,47%	30 25,21%	57 33,14%	59 37,82%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	152 31,65%	27 23,89%	33 19,30%	38 24,68%	54 34,18%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,15%	0 0%	0 0%	01 0,58%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	653 99,84%	100%	100%	01 0,58%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	28 43,88%	112 54,11%	62 52,10%	66 38,37%	47 30,13%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	207 29,97%	61 29,47%	30 25,21%	57 33,14%	59 37,82%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	09 1,37%	02 0,96%	03 2,92%	04 2,32%	0
3	Lưu ban	1	0	0	01	0



	(tỷ lệ so với tổng số)	0,15%	0%	0%	0,58%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	01/03	01/03	0/03	0/03	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>		<b>0</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>22</b>
1	Cấp huyện/quận	19	0	0	19	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	26	0	0	0	26
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	156	0	0	0	156
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	156	0	0	0	157
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	47 30,13%	0	0	0	47 30,13%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	59 37,82%	0	0	0	59 37,82%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	50 32,05%	0	0	0	50 32,05%
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>	0	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	340/314	63/95	56/63	81/75	75/81
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	0	0	0	0	0

Sơn Trà, ngày tháng năm 2023



**Lê Đình Sơn**



**Biểu mẫu 11**

UBND QUẬN SƠN TRÀ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
PHAN BỘI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THCS Phan Bội Châu  
Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	13	3,56m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	13	3,56m <sup>2</sup> /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	19	-
7	Bình quân lớp/phòng học	22/13	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	3829,8 m <sup>2</sup>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1500 m <sup>2</sup>	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	1080 m <sup>2</sup>	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	-
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	128m <sup>2</sup>	-
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	96m <sup>2</sup>	
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	



6	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	38m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	8	8/18
<b>1</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định</b>	8	Thiết bị
1.1	Khối lớp: 6	2	Thiết bị
1.2	Khối lớp: 7	2	Thiết bị
1.3	Khối lớp: 8	2	Thiết bị
1.4	Khối lớp: 9	2	Thiết bị
<b>2</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định</b>		
2.1	Khối lớp: 6	0	Thiết bị
2.2	Khối lớp: 7	0	Thiết bị
2.3	Khối lớp: 8	0	Thiết bị
2.4	Khối lớp: 9	0	Thiết bị
2.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	-	-
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	21	-
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>	<b>03</b>	<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	04	Dùng chung toàn trường
2	Cát xét	06	Dùng chung toàn trường
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	Dùng chung toàn trường
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	20	
5	Máy điều hòa không khí	06	Phòng HĐSP (04) + Phòng Tin 2 (02)
6	Đàn Organ	01	Phòng âm nhạc
7	Thiết bị tương tác thông minh	16	
8	Loa	16	



X	Nhà bếp		0	
XI	Nhà ăn		0	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	0	2/2	0	0,5m <sup>2</sup>
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	<a href="http://thcsphanboichaudanang.edu.vn">http://thcsphanboichaudanang.edu.vn</a> .	
XIX	Tường rào xây	x	

Sơn Trà, ngày tháng năm 2023



Biểu mẫu 12

UBND QUẬN SƠN TRÀ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
PHAN BỘI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của trường THCS Phan Bội Châu, năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	51		5	40	1	0	2	16	27	2	40				
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	43		3	39	1	0	0	16	27	0	38				
1	Toán	8		2	6				4	4		8				
2	Lý	4			4					4		4				
3	Hóa	4			4					4		4				
4	Sinh	3			3					3		3				
5	Văn	8		1	7				3	5		7				
6	Ngoại ngữ	6		1	5				2	4		4				
7	Công nghệ	0														
8	Thể dục	2			1	1			1	1		2				







	huyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
9	Nhân viên khác	2												

Son Trà ngày tháng năm 2023



**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Đình Sơn**

